

**BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ LẠI NỘI DUNG KINH PHÍ ĐÔ THỊ CÁC
HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP**

ĐVT: triệu đồng

STT	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN/TX/TP	KINH PHÍ	Làm tròn
1	Phường Long An	TP TÂN AN	85.000	28.333
2	Phường Tân An			28.333
3	Phường Khánh Hậu			28.333
4	Xã Thuận Mỹ	HUYỆN CHÂU THÀNH	8.500	2.024
5	Xã An Lục Long			2.024
6	Xã Vĩnh Công			2.024
7	Xã Tâm Vu			2.429
8	Xã Vàm Cỏ	HUYỆN TÂN TRỤ	8.500	2.500
9	Xã Tân Trụ			3.000
10	Xã Nhựt Tảo			3.000
11	Xã Bến Lức	HUYỆN BẾN LỨC	17.000	3.400
12	Xã Mỹ Yên			3.400
13	Xã Bình Đức			3.400
14	Xã Lương Hòa			3.400
15	Xã Thạnh Lợi			3.400
16	Xã Thủ Thừa	HUYỆN THỦ THỪA	8.500	2.217
17	Xã Mỹ An			1.848
18	Xã Mỹ Thạnh			2.217
19	Xã Tân Long			2.217
20	Xã An Ninh	HUYỆN ĐỨC HÒA	42.500	5.183
21	Xã Hiệp Hòa			6.220
22	Xã Hậu Nghĩa			6.220
23	Xã Hòa Khánh			6.220
24	Xã Đức Lập			6.220
25	Xã Mỹ Hạnh			6.220
26	Xã Đức Hòa			6.220
27	Xã Mỹ Quý	HUYỆN ĐỨC HUỆ	8.500	2.833
28	Xã Đông Thành			2.833
29	Xã Đức Huệ			2.833
30	Xã Phước Lý	HUYỆN CẦN GIUỘC	25.500	5.100
31	Xã Mỹ Lộc			5.100
32	Xã Cần Giuộc			5.100
33	Xã Phước Vĩnh Tây			5.100
34	Xã Tân Tập			5.100
35	Xã Long Cang	HUYỆN CẦN ĐƯỚC	25.500	4.250
36	Xã Rạch Kiến			4.250
37	Xã Mỹ Lệ			4.250
38	Xã Tân Lâm			4.250
39	Xã Cần Đước			4.250
40	Xã Long Hựu			4.250
41	Xã Tân Thạnh			2.429

42	Xã Hậu Thạnh	HUYỆN TÂN THẠNH	8.500	2.024
43	Xã Nhơn Hoà Lập			2.024
44	Xã Nhơn Ninh			2.024
45	Xã Thạnh Hóa	THẠNH HÓA	8.500	2.429
46	Xã Tân Tây			2.024
47	Xã Thạnh Phước			2.024
48	Xã Bình Thành			2.024
49	Xã Bình Hòa	MỘC HÓA	8.500	3.864
50	Xã Mộc Hóa			4.636
51	Phường Kiến Tường	TX KIẾN TƯỜNG	24.000	8.000
52	Xã Tuyên Thạnh			8.000
53	Xã Bình Hiệp			8.000
54	Xã Vĩnh Hưng	HUYỆN VĨNH HƯNG	8.500	2.833
55	Xã Tuyên Bình			2.833
56	Xã Khánh Hưng			2.833
57	Xã Tân Hưng	HUYỆN TÂN HƯNG	8.500	2.024
58	Xã Vĩnh Châu			2.024
59	Xã Vĩnh Thạnh			2.024
60	Xã Hưng Điền			2.429
61	Phường Tân Ninh	TP TÂY NINH	24.000	8.000
62	Phường Bình Minh			8.000
63	Phường Ninh Thạnh			8.000
64	Phường Long Hoa	TX HÒA THÀNH	17.000	5.667
65	Phường Hòa Thành			5.667
66	Phường Thanh Điền			5.667
67	Phường An Tịnh	TX TRẮNG BÀNG	17.000	4.250
68	Phường Trắng Bàng			4.250
69	Xã Hưng Thuận			4.250
70	Xã Phước Chi			4.250
71	Phường Gò Dầu	GÒ DẦU	8.500	2.402
72	Phường Gia Lộc			2.402
73	Xã Thạnh Đức			1.848
74	Xã Phước Thạnh			1.848
75	Xã Bến Cầu	BẾN CẦU	8.500	3.188
76	Xã Long Thuận			2.656
77	Xã Long Chữ			2.656
78	Xã Hảo Đước	CHÂU THÀNH	8.500	2.024
79	Xã Châu Thành			2.429
80	Xã Ninh Điền			2.024
81	Xã Hòa Hội			2.024
82	Xã Phước Vinh	TÂN BIÊN	8.500	1.518
83	Xã Trà Vong			1.821
84	Xã Thạnh Bình			1.518
85	Xã Tân Biên			1.821
86	Xã Tân Lập			1.821
87	Xã Tân Hòa			1.288

88	Xã Tân Thành	TÂN CHÂU	8.500	1.288
89	Xã Tân Hội			1.288
90	Xã Tân Phú			1.545
91	Xã Tân Châu			1.545
92	Xã Tân Đông			1.545
93	Xã Dương Minh Châu	DƯƠNG MINH CHÂU	8.500	2.429
94	Xã Cầu Khởi			2.024
95	Xã Lộc Ninh			2.024
96	Xã Truông Mít			2.024